

Số: 634 /UBND-KT1

Hung Yên, ngày 27 tháng 4 năm 2012

V/v chấp thuận Nhiệm vụ thiết kế xây dựng 03  
bến khách ngang sông tỉnh Hưng Yên thuộc dự  
án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng  
bằng Bắc bộ (hợp phần B)

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông Vận tải;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-BGTVT ngày 04/4/2008 của Bộ Giao thông Vận tải đầu tư dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới (Dự án WB6);

Căn cứ Công văn số 5681/BGTVT-KHĐT ngày 14/9/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận vị trí, quy mô đầu tư Hợp phần B – các Bến khách ngang sông – Dự án WB6;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CĐTND ngày 13/01/2011 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt hồ sơ Thiết kế mẫu bến khách ngang sông và dự toán Hạng mục: Thiết kế mẫu bến khách ngang sông – Dự án WB6;

Sau khi xem xét nội dung hồ sơ nhiệm vụ thiết kế kèm theo Tờ trình số 269/TTr-SKHĐT ngày 28/3/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chấp thuận nhiệm vụ thiết kế lập tiểu dự án đầu tư xây dựng 03 bến khách ngang sông thuộc dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ (hợp phần B), UBND tỉnh chấp thuận Nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình trên với nội dung cơ bản như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng 03 bến khách ngang sông tỉnh Hưng Yên (hợp phần B) thuộc dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ.

2. Chủ đầu tư:

- Cơ quan chủ quản dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Hưng Yên.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng 03 bến khách ngang sông để đảm bảo việc lưu thông hàng hoá và đi lại của nhân dân bằng đường thủy được thuận tiện, tạo đà cho sự phát triển kinh tế xã hội của các huyện Khoái Châu, Tiên Lữ, Phù Cừ nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung.

4. Quy mô đầu tư

4.1. Bến Đông Ninh, xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu:

4.1.1. Đường xuống bến (đường dẫn):

- Chiều dài  $L = 100\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 4\%$ ;

- Chiều rộng mặt đường  $B_{\text{mặt}} = 6,0\text{m}$ , độ dốc ngang mặt đường  $i_{\text{mặt}} = 2\%$ ;

- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;

- Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 6,6\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);

- Kết cấu mặt đường BTXM mác 300.

4.1.2. Bến cập (mặt bến):

- Chiều dài  $L = 19\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 10\% \div 13\%$ ;

- Chiều rộng mặt bến  $B_{\text{mặt}} = 9,0\text{m}$ ;

- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;

- Chiều rộng nền bến  $B_{\text{nền}} = 9,6\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);

- Kết cấu mặt bến BTXM mác 300.

4.1.3. Đầu bến:

- Chiều rộng đầu bến 9m, mái ta luy gia cố bằng đá hộc xếp khan, độ dốc mái 1/1,5;

- Kết cấu cọc BTCT, trên đỉnh cọc đổ dầm BTCT, phía trong hàng cọc ghép tấm bản BTCT, đá hộc xếp giảm tải.

4.2. Bến Vũ Điện, xã Hoàng Hanh, huyện Tiên Lữ:

4.2.1. Đường xuống bến (đường dẫn):

- Chiều dài  $L = 200\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 4\%$ ;

- Chiều rộng mặt đường  $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$ , độ dốc ngang mặt đường  $i_{\text{mặt}} = 2\%$ ;

- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;

- Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 4,1\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);

- Kết cấu mặt đường BTXM mác 300.

#### 4.2.2. Bến cập (mặt bến):

- Chiều dài  $L = 35\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 10\% \div 13\%$ ;
- Chiều rộng mặt bến  $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ ;
- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;
- Chiều rộng nền bến  $B_{\text{nền}} = 7,6\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);
- Kết cấu mặt bến BTXM mác 300.

#### 4.2.3. Đầu bến:

- Chiều rộng đầu bến 7m, mái ta luy gia cố bằng đá hộc xếp khan, độ dốc mái 1/1,5;
- Kết cấu cọc BTCT, trên đỉnh cọc đổ dầm BTCT, phía trong hàng cọc ghép tám bản BTCT, đá hộc xếp giảm tải.

#### 4.2.4. Nhà chờ:

- Diện tích xây dựng  $24\text{m}^2$ , chiều cao 2,8m. Kết cấu: Khung cột thép tròn D120 x 2,6m; vì kèo bằng thép hình; mái lợp tôn; móng BTCT 250#.

### 4.3. Bến La Tiến, xã Nguyên Hoà, huyện Phù Cừ

#### 4.3.1. Phía Hưng Yên:

##### 4.3.1.1. Bến cập (mặt bến):

- Chiều dài  $L = 21\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 10\% \div 13\%$ ;
- Chiều rộng mặt bến  $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ ;
- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;
- Chiều rộng nền bến  $B_{\text{nền}} = 7,6\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);
- Kết cấu mặt bến BTXM mác 300.

##### 4.3.1.2. Đầu bến:

- Chiều rộng đầu bến 7m, mái ta luy gia cố bằng đá hộc xếp khan, độ dốc mái 1/1,5;
- Kết cấu cọc BTCT, trên đỉnh cọc đổ dầm BTCT, phía trong hàng cọc ghép tám bản BTCT, đá hộc xếp giảm tải.

##### 4.3.1.3. Nhà chờ:

- Diện tích xây dựng  $48\text{m}^2$ , chiều cao 2,7m. Kết cấu: Khung cột BTCT; mái đổ BTCT 200#, móng BTCT 250#.

#### 4.3.2. Phía Thái Bình:

##### 4.3.2.1. Bến cập (mặt bến):

- Chiều dài  $L = 23\text{m}$ , độ dốc dọc  $i = 10\% \div 13\%$ ;
- Chiều rộng mặt bến  $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ ;
- Chiều rộng vỉa  $B_{\text{vía}} = (2 \times 0,3\text{m})$ , bó vỉa bằng đá hộc;
- Chiều rộng nền bến  $B_{\text{nền}} = 7,6\text{m}$ ; ta luy đắp 1/1,5 (gia cố ta luy bằng đá hộc);
- Kết cấu mặt bến BTXM mác 300.

#### 4.3.2.2. Đầu bến:

- Chiều rộng đầu bến 7m, mái ta luy gia cố bằng đá hộc xếp khan, độ dốc mái 1/1,5;

- Kết cấu cọc BTCT, trên đỉnh cọc đổ dầm BTCT, phía trong hàng cọc ghép tấm bản BTCT, đá hộc xếp giảm tải.

#### 4.4. Hệ thống kỹ thuật: Xây dựng hệ thống chiếu sáng cho các bến.

#### 5. Địa điểm xây dựng:

- Bến Đông Ninh: Xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Bến Vũ Điện: Xã Hoàng Hanh, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

- Bến La Tiến: Xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

#### 6. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn vay Ngân hàng Thế giới đầu tư phần chi phí xây lắp; chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC; chi phí giám sát thi công; thuế VAT và dự phòng cho phần vốn vay.

- Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (do Bộ Giao thông cấp) đầu tư phần chi phí QLDA; chi phí khảo sát, lập tiểu dự án đầu tư; chi phí khác; chi phí GPMB; thuế VAT và dự phòng cho phần vốn đối ứng.

- Vốn của chủ bến Đông Ninh đầu tư các hạng mục: Bến cập, đầu bến, hệ thống chiếu sáng của bến Đông Ninh.

7. Căn cứ vào nhiệm vụ thiết kế được chấp thuận, chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế đủ điều kiện năng lực để lập tiểu dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Trước khi trình duyệt tiểu dự án, chủ đầu tư phải thống nhất với địa phương nơi bến đi qua về vị trí xây dựng bến; thống nhất với chủ bến Đông Ninh về việc chứng minh và cam kết rõ phần vốn đầu tư của chủ bến. *thuyet*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- UBND các huyện: Khoái Châu, Tiên Lữ, Phù Cừ;
- UBND các xã: Đông Ninh, Hoàng Hanh, Nguyễn Hòa;
- Lưu: VT, GTTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Thơi**